

LỄ HỘI RIJA - TÍN NGƯỠNG PHỒN THỰC CỦA NGƯỜI CHĂM Ở TRUNG BỘ

BÁ TRUNG PHỤ (*)

Người Chăm ở Trung Bộ, chủ yếu sống ở tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận, có quan niệm rằng thần linh sống trong không khí siêu nhiên. Bất cứ ở đâu họ cũng tìm thấy ảnh hưởng của thế lực bí ẩn tác động vào cuộc sống của mình. Họ tin rằng người Chăm dù thuộc giai cấp nào, ở xã hội nào đều không vượt ra ngoài sự ảnh hưởng của thế giới siêu nhiên. Theo quan niệm của họ thì thần linh ở khắp nơi. Một thửa ruộng, một góc âm u đều là cơ sở của thần linh. Tín ngưỡng Phồn thực đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Chăm Trung Bộ bởi vì chính nghi lễ Phồn thực mang lại cho họ nhiều điều may mắn, như trong nông nghiệp sẽ đem lại bội thu mùa màng tươi tốt, trong đời sống con người sẽ mang lại sự sinh sôi, nảy nở nhiều người. Tín ngưỡng Phồn thực vẫn tồn tại tiềm ẩn và tác động rất sâu sắc đến đời sống gia đình và xã hội mẫu hệ Chăm ngày nay.

Hướng tiếp cận từ góc độ Dân tộc học về tín ngưỡng Phồn thực của người Chăm Trung Bộ đến nay chưa nhiều. Với đề tài này, chúng tôi mong muốn được đi từ cách tiếp cận Dân tộc học với một cách nhìn khác hơn về tín ngưỡng cộng đồng Chăm thực tế hiện nay, dựa trên cơ sở

những đóng góp, đúc kết khoa học của những nhà nghiên cứu trước đây từ các lĩnh vực khoa học khác nhau.

1. Về tín ngưỡng Phồn thực

Tín ngưỡng Phồn thực là một hiện tượng tôn giáo phổ biến trong đời sống nhân loại thuở xa xưa. Ngày nay ở hầu hết mọi nơi trên trái đất, cả trong những xã hội công nghiệp hiện đại, người ta vẫn còn bắt gặp những dấu vết đậm - nhạt của nó.

Tín ngưỡng Phồn thực có lẽ ra đời vào thời kì “Đá mới”, *khi con người chuyển từ công cụ đá đẽo sang đá mài*. Sự phát minh công cụ mới này đã khiến việc hái lượm và săn bắt nhiều kết quả hơn. Động vật bắt được ăn không hết phải để dành, và cách để dành tốt nhất mà thời gian và kinh nghiệm (cũng không loại trừ sự ngẫu nhiên) đã mách họ là nuôi sống chúng trong môi trường tự nhiên. Từ đó, có thể con người đã nảy sinh ý tưởng về trồng trọt và chăn nuôi. Hơn nữa, bấy giờ Trái Đất bước vào thời kì hậu băng hà, không khí khô ráo và ấm áp, các bình nguyên dần hình thành. Con người có thể rời hang trú ẩn ra sống ở ngoài trời để trồng cây và chăn thú. Cuộc sống săn bắt

*. TS., Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Tp Hồ Chí Minh.

và hái lượm thời kì Đá Cũ và Đá Giữa không thể có ý niệm về tái sản xuất. Lòng mong ước nhân nhanh những vật nuôi và cây trồng, kể cả bản thân con người với tư cách là kẻ lao động, một cơ sở của tín ngưỡng - chỉ có thể ra đời vào thời Đá Mới.

Cũng phải nói thêm rằng, thế giới của người nguyên thủy không chỉ có *cái thực*, còn có cả *cái huyền*, mà chủ yếu là *cái huyền*. Mỗi cái nhìn thấy, cái hữu hình đều ẩn chứa cái không nhìn thấy, cái vô hình. Mà cái *huyền* chi phối cái *thực*, mặc dù chúng quện lẫn vào nhau, không tách rời. Bởi vậy, giấc mơ, ma thuật có vị trí quan trọng trong đời sống nguyên thủy vì đó là phương tiện thông tin, giao tiếp giữa hai thế giới. Tư duy nguyên thủy cho rằng một người bị rắn cắn chết thì cái chết đó không phải do rắn, bởi con vật đó chỉ là công cụ của một thế lực vô hình, huyền bí. Mặc dù con người bấy giờ có hai chức năng chủ yếu là sinh sản để duy trì nòi giống và sản xuất ra cái ăn cũng để duy trì nòi giống, những công cụ sinh sản cũng là công cụ khoái cảm, dù nó chỉ là chỗ trú ngụ hoặc biểu tượng của một thứ năng lượng thiêng sinh ra phồn thực. Thờ cúng sinh thực khí là thờ cúng cái thiêng này. Bởi vậy, nói đến tín ngưỡng Phồn thực không thể tách rời được ba yếu tố đan bện vào nhau là: *phồn thực - tính dục - tôn giáo*. Đó là một thứ *"tam vị nhất thể"*. Tuy nhiên tính dục trong tín ngưỡng Phồn thực chưa phải là thứ tính dục lấy sự cực khoái làm mục đích, mà nó chỉ mang tính chất như một thứ thị phạm ma thuật để cầu phồn thực, phồn sinh. Cũng như vậy, tôn giáo trong tín ngưỡng Phồn thực cũng chưa phải là sự đi tìm cực lạc, mà chỉ là hình thức cầu viện cái thiêng để mang đến sự sinh sôi

nảy nở. Tính dục và tôn giáo trong tín ngưỡng Phồn thực, như vậy còn ở một cấp độ thấp, chưa có ý nghĩa tự thân và hoà quện vào sự cầu mong nhân giống để tạo thành một thể, chứ không phải là các mặt khác nhau của một viên kim cương.

Từ một hiện tượng tôn giáo phổ biến, có mặt ở khắp mọi nơi thời nguyên thủy, tín ngưỡng Phồn thực về sau phát triển hoặc tàn lụi, hoặc đâm cành rẽ nhánh khác nhau, tùy theo từng thổ ngữ, văn hoá, xã hội. Theo ý kiến của nhiều nhà nhân học văn hoá, tín ngưỡng Phồn thực thường phát triển mạnh mẽ hơn trong các nền văn minh nông nghiệp. Có thể chủ yếu do hàng ngày những người du mục thấy một con cừu chỉ để được vài chú cừu con, còn người dân nông nghiệp thì chứng kiến một trái cây hoặc một hạt thóc vùi xuống đất thì có thể sinh ra đến vài trăm. Sau này sự phát triển của tín ngưỡng Phồn thực còn phụ thuộc ở việc ra đời các tôn giáo lớn và các giáo lí của chúng. Đến đây, các nền văn minh của các khu vực khác nhau bắt đầu tạo ra sự phát triển khác nhau của tín ngưỡng Phồn thực.

Ở Châu Á nơi người dân chủ yếu sản xuất nông nghiệp, tình hình có khác. Thời nguyên thủy tín ngưỡng Phồn thực hẳn là phát triển mạnh hơn và khi các tôn giáo lớn ra đời thì nó không bị tiêu diệt mà phần nào chuyển hoá vào trong lòng của chúng, trở thành cơ sở hoặc yếu tố của các tôn giáo này. Bởi tinh thần chung của các tôn giáo Châu Á chủ yếu là hướng thực, tức lấy cái *thiên* phục vụ cái *thực* nên các tôn giáo không loại trừ nhau mà tìm cách dung hoà nhau để phục vụ con người. Trên đất Ấn Độ, tín ngưỡng Phồn thực từ sự đề cao nòi giống đã đi vào Ấn

Độ giáo và được nâng tầm lên mức vũ trụ luận. Tục thờ sinh thực khí tập trung vào một vị thần mà nó lấy làm đại diện là Shiva, một trong những vị thần Sáng thế của thế giới Ấn Độ. Dương vật, ở đây chính là Shiva hay của Shiva, là công cụ tạo thế, là biểu tượng của cột vũ trụ. Nó cũng là biểu tượng của sự sinh thành mãi mãi trong cái vòng tròn sinh tử của tạo vật, của vũ trụ, của nhân sinh. Người dân Ấn Độ sùng bái Shiva để cầu sự sinh, sự may mắn và hạnh phúc, đồng thời cũng cầu sự bằng an trong cõi đời thiên diễn, ảo hoá. Hơn nữa Ấn Độ giáo và Phật giáo Tây Tạng đều coi giao hợp, cùng với ma túy và nghi lễ là ba phương tiện để con người đạt đến trạng thái xuất thần, trạng thái có thể giao tiếp với thần linh. Như vậy, ở đây tín ngưỡng Phồn thực đã trở thành một thứ văn hoá tính dục. Cũng có người nói là sở dĩ Ấn Độ sùng bái tính dục, nghệ thuật tình ái phát triển đến như vậy là do nó là con lai của Âu và Á, của văn hoá trồng trọt bản địa và văn hoá du mục do người Arian mang đến. Cuốn sách *Kamasutra* dạy đầy đủ các kỹ thuật ân ái để đạt đến sự cực khoái (trạng thái xuất thần) và cũng là cực lạc (Niết Bàn, Tịnh độ, Cõi giác). Trên mảnh đất Ấn Độ và những nước ngoài Ấn (những nước chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ) như Nepal, Champa, v.v... đâu đâu người ta cũng bắt gặp *linga* và *yonis*. Các pho tượng và phù điêu ở đền đài Ấn Độ giáo thường ở các tư thế làm tình. Nếu có dịp đến Bảo tàng Chăm ở Đà Nẵng, nhất là ở Thánh địa Mỹ Sơn, người ta có cảm giác như được sống lại cái đời sống lang chạ cổ sơ của nhân loại.

2. Lễ hội Rija của người Chăm

Rija là một hệ thống lễ múa của người Chăm bao gồm lễ Rija Nugar (lễ hội múa tống ôn đầu năm), lễ Rija Harei (lễ hội múa ban ngày), lễ Rija Dayaup (lễ hội múa ban đêm) và lễ Rija Pruang (lễ hội múa lớn). Trong các loại lễ múa Rija vừa nêu trên, ngoài lễ hội múa Rija Nugar là lễ nghi liên quan đến cộng đồng làng Palei, còn các lễ khác chỉ là lễ múa trong phạm vi tộc họ và gia đình.

Hàng năm cứ vào khoảng trong những tháng đầu năm, các làng Chăm tiến hành lễ hội lớn lễ Rija Nugar để cầu xin thần linh và bà Mẹ Xứ sở cho dân làng được khỏe mạnh, mùa màng tươi tốt, xóa bỏ những cái xấu xa xui xẻo của năm cũ như hạn hán, sâu bệnh, chuột và sâu bọ phá hoại mùa màng... và hơn thế nữa là ban cho họ những điều may mắn và sức khỏe, đặc biệt là sự bình yên.

Đầu năm khi nghe tiếng sấm rền vang ở phía Đông, phía Tây là báo hiệu một năm mới của người Chăm sắp đến. Người Chăm bắt đầu tổ chức lễ hội đầu năm Rija Nugar để tống khứ những điều xấu xa, xui xẻo, để năm mới đón nhận những điều tốt lành cho dân làng và đón nước, cầu mưa, chuẩn bị mở đầu cho việc khai mương, cày cấy. Người Chăm có thành ngữ:

Khi nghe tiếng sấm hướng Đông - Tây

Nhân dân hớn hở mới hòng yên tâm

(Bilan thanh úk thanh ôn)

Hamik grum mưnhi gah pur, pai)

Từ tiếng sấm đầu năm đó, người Chăm bắt đầu cấm mốc thời gian cho năm mới, cho lịch pháp. Đó cũng là ngày hội mở đầu năm - mừng một tháng Giêng lịch Chăm. Kể từ mừng một cho đến hết

thượng tuần trăng tháng Giêng là thời gian mở hội lễ Rija Nugar. Khắp nơi làng Chăm đều tổ chức lễ hội Rija Nugar. Làng Chăm Ahiêr thường tổ chức lễ hội Rija Nugar vào ngày thứ tư, thứ năm và làng Chăm Awal thì vào ngày thứ năm, thứ sáu trong tuần và bắt đầu bằng những ngày lẻ (1, 3, 5, 7) trong tháng Giêng. Lễ Rija Nugar có một ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống tâm linh của người Chăm và tồn tại rất lâu đời trong tín ngưỡng và lễ hội của cư dân Chăm.

- Lễ hội Rija Nugar ở làng Văn Lâm

Lễ được tổ chức ở làng Văn Lâm vào ngày tháng Giêng theo lịch Chăm năm 2004. Để chuẩn bị cho lễ hội Rija Nugar, Ban Tổ chức tôn giáo cùng với một số bô lão, phụ nữ và một số thanh niên tham gia cất một cái nhà để làm lễ, gọi là ùkajang, trên một bãi đất trống đầu thôn, như làng Văn Lâm thường tổ chức trên đồng ruộng ở đầu thôn. Họ tiến hành cất nhà lễ (kajang) có 2 mái, được kết cấu bằng 2 vì kèo, mái lợp bằng tranh, diện tích khoảng 8m x 5m, xung quanh được che chắn bằng những tấm liếp tre và chỉ mở một hướng ra vào về hướng Đông là hướng rất quan trọng. Đây là hướng của các thần linh. Trong tất cả các tháp cổ Champa, mỗi tháp được xây dựng 4 cửa chính, tuy nhiên chỉ được mở cửa hướng Đông. Ở trần nhà lễ Rija Nugar, trong ngày cúng thứ nhất treo một tấm vải trắng hình chữ nhật (1,5m x 1m) gọi là “lâm linh”, tượng trưng cho vũ trụ. Bên dưới đối diện với tấm vải là vật lễ “Mưon”, cũng là một tấm vải trắng được cột hai cây gỗ. Và ba cây cột ở đầu nhà lễ đều bao vải trắng. Cách trang trí nhà tương tự như trong không gian thánh đường của người Chăm Bani. Do vậy,

ngày đầu cúng lễ Rija Nugar là cúng cho “thần mới” (yang birou) như các vị thần Allah, Mohamat, v.v...; đến ngày hôm sau cúng “thần cũ” (yang bimon-yang aklak) như thần Po Inư Nugar, Po Klaung, v.v...

- Tục cúng lễ hội Rija Nugar ở thôn Bình Nghĩa (Ninh Hải - Ninh Thuận)

Lễ Rija Nugar được tổ chức trong hai ngày, “một ngày vào và một ngày ra” (vào ngày thứ năm, ra ngày thứ sáu). Người dân còn gọi theo cách gọi cúng lễ vật là “ngày vào cúng Gà và ngày ra cúng Dê”. Họ còn gọi theo cách cúng lễ vị thần “tamư Po birâu tabiak Po aklak” (ngày vào cúng thần mới - thần Islam giáo và ngày ra cúng thần cũ - thần Bàlamôn giáo. Vật dâng cúng, ngoài gà, dê còn có 10 quả trứng và 5 mâm cơm, canh, bánh trái, trầu cau, rượu trứng. Ngoài ra trên bàn lễ còn có vật lễ quan trọng là lửa - nước. Lễ vật cũng được người Chăm chia ra làm hai phần âm và dương mà họ thường gọi nôm na theo tên lễ vật chính là “ngày vào buổi chiều - cúng con gà (thuộc âm) và ngày ra buổi sáng - kết thúc lễ là cúng con dê (thuộc dương)”. Âm dương là triết lí của Bàlamôn giáo của Ấn Độ truyền vào Chăm pa từ đầu Công nguyên và ăn sâu vào tín ngưỡng và lễ hội của người Chăm, tồn tại cho đến ngày nay.

Người Chăm có tục thờ đa thần. Tất cả làng Chăm đều có hệ thống thần linh chung. Nhưng quan trọng là làng nào cúng lễ thì thần làng của làng đó được mời cúng lễ đầu tiên trong hệ thống thần linh chung ấy. Hệ thống thần linh trong lễ Rija Nugar Chăm bao gồm các vị thần như sau: Po Tang, Po Tang Ahok (Thần Chèo thuyền), Po Gialau (Thần Rừng trâm, Rừng quế), Cey Thun, Cey Dalim

(Chàng Lự), Cey Hanim Par, Cey Sit, Cey Pruang (hai hoàng tử), Po Garai Phauk, Po Dam (Chàng trai trẻ), Po Riya (Thần Sóng biển), Nữ thần Po Nugar (Thần Mẹ Xứ sở), Po Klaung Garai (Vua Chăm), Po Rame (Vua Chăm), Po Patau Bin Thờ, Po Sah Inư, Po Nai, Nai Bia Sôi, Bia Kôn, Bia Nưn, Bia Than Can, Bia Than Cih (Hoàng hậu), v.v... Ngoài các vị thần trên là các vị thần anh hùng văn hóa, anh hùng dân tộc, trong lễ Rija Nugar, người Chăm còn cúng các vị Thần Đất (Po Bhùm), Thần Sông, Thần Nước (Patau ia), thần Mặt Trời (Aditiak), Thần Núi (Po cök), Thần Biển (Yang tasik), thần Lúa (Po yang sri), v.v... Lễ cúng như thế được tiến hành bởi bao gồm các ông Ka in, Mưduôn, Mukrija, Muk pajau và Kathr, mỗi người đều có trang phục riêng.

Ông Ka in là thầy cúng trong tín ngưỡng dân gian Chăm, nhiệm vụ của ông là múa trong lễ hội Rija, trang phục giống như trang phục đàn ông Chăm thường là màu trắng gọi là “ao lah”, không có cặp váy cùng với dây thắt lưng vải trắng thô không có hoa văn. Đặc biệt, ông Ka in cột khăn đội đầu có tua đỏ, loại khăn đội của chức sắc Balamôn giáo.

Muk Rija thường đi đôi với ông Mưduôn, là người chuyên phục vụ lễ hội Rija. Ông thường mặc trang phục màu trắng, gọi là aw tuak patih (tương tự như loại áo dài của phụ nữ Chăm), váy màu đen có cặp váy viền hoa văn ở chung quanh rìa váy, khăn đội màu trắng không có hoa văn gọi là khăh đrăm.

Ông Mưduôn thường mặc y phục màu trắng, cổ áo cao, từ nách áo bên phải lại xẻ một đường xiên ở ngực đến chính giữa cổ áo, sà rộng màu trắng, buộc dây thắt

lưng không có hoa văn và đặc biệt khăn đội đầu có tua màu đỏ và một cái khăn trắng.

Trong lễ còn có 1 nghệ nhân thổi kèn, gọi là Saranai, cùng nhiều thầy cúng lễ và dân làng phụ lễ.

Nhạc cụ phục vụ nghi lễ bao gồm: 01 cây chèo, 01 cây mía đỏ (tượng trưng cho mái chèo thuyền); 01 ông Ka in (thầy bóng) mặc áo đỏ múa lễ, đập lửa, lên đồng phản ánh nguyện vọng của cộng đồng lên thần linh và ngược lại; 03 ông Mưduôn mặc áo trắng vỗ trống Basanưng, hát thánh ca về các vị thần (01 thầy hát chính, 02 thầy phụ lễ); 02 nghệ nhân đánh trống Basanưng, y quạt, khăn và 01 cây roi ngựa.

Tất cả đạo cụ, ngoài khăn và quạt được ông Ka in (thầy bóng) cầm tay còn lại là để tại bàn tổ (danok). Tại bàn tổ, nơi để vật lễ và đạo cụ múa, còn có một cán rìu (công cụ lao động lễ Rija Nugar do thầy Mưduôn (thầy võ) làm chủ lễ, vỗ trống Basanưng, rót rượu lần lượt mời các vị thần và hát thánh ca. Ông Ka in dâng lễ vật và múa phụ họa theo nhịp trống Basanưng, trống Ginang, kèn Saranai. Mỗi vị thần được mời về dự thì ông Ka in có một điệu múa riêng, có một sắc phục và đạo cụ riêng. Hầu hết những bài thánh ca về các vị thần đều được rút ra từ những huyền thoại, sự tích, truyền thuyết, tiểu sử (Damnưi) của các vị vua (Po), hoàng hậu (Bia), tướng lĩnh (Cey), v.v... Nhưng trong lúc hành lễ tùy theo thời gian, tâm trạng, tính cách, công lao của các vị thần mà Mưduôn (thầy võ trống), hoặc Kadhar (thầy kéo đàn Rabap) xướng lên nhiều hay ít. Theo nguyên bản, mỗi ca khúc rất dài, có từ 60

đến 100 câu thơ. Tất cả những lời ca này được ghi lại thành văn bản chữ Chăm còn lưu truyền trong dân gian hiện nay. Chẳng hạn, khi hát mở đầu lễ Rija Nugar, thầy Mưduôn vỗ trống Bsanưng hát mời vị thần Po Tang.

Lúc này ông Ka in đóng vai nữ, là hiện thân của Po Nai mặc áo bông đỏ, đầu đội khăn màu trắng, tay cầm khay trầu trên đó có bông điệp và trái cây mùa theo nhịp trống lễ. Thường đến lúc cúng vị thần Po Nai, thầy bóng Ka in lên đồng phản ánh nguyện vọng cộng đồng lên thần linh và ngược lại. Ở lễ Rija Nugar làng Vĩnh Thuận (Ninh Phước - Ninh Thuận), ông Ka in nhập đồng trong trạng thái người ngây ngất, toàn thân run lên. Dân làng lúc này ai cũng van vái, hồi hộp, chờ đợi lời phán xét. Một hồi sau ông phán: “Tôi (Nữ thần Po Nai) đã đi xa bao năm nay mới về lại làng này. Làng này ô uế lắm, phải làm một lễ khác tẩy uế vệ sinh làng palei thì thần mới thường xuyên ghé phù hộ độ trì và cho mưa thuận gió hòa”. Trong lúc thần đang phán xét thì dân làng vừa lắng nghe, vừa cầu xin thần linh đừng nổi giận, vui lòng hưởng lễ vật lễ Rija mà cho mưa sớm cho dân làng cày cấy. Trong lời khẩn vái của dân làng, của thầy lễ luôn có lời cầu mưa, cầu nước. Đây là chủ đề mà họ quan tâm nhất trong suốt lễ hội múa Rija Nugar.

Sau trạng thái lên đồng của Po Nai thì họ tiếp tục hát mời và tiểu sử các vị thần linh khác Po Sah Inư, Bia Kon, Bia Soi, Bia Nưn, Bia Than Can, Than Cih, v.v... Cuối cùng người tham gia nghi lễ cúng các vị thần Đất, thần Sông, các người đã khuất mà đã có công khai khẩn, tiên hiền trong làng rồi kết thúc lễ ngày đầu (ngày thứ nhất) của Rija Nugar vào buổi chiều

bằng lễ cúng cơm (Pathan pabah). Đây chỉ mới kết thúc một nửa - phần đầu (phần âm) của lễ Rija Nugar.

Tiếp tục lễ Rija Nugar là phần nửa còn lại được tiếp tục vào sáng ngày hôm sau khi diễn ra nghi lễ cúng dê, thuộc về dương. Nội dung phần lễ cúng này tương tự như lễ ngày đầu, chỉ khác là lễ ngày ra (ngày thứ hai) có tiền đưa “hình nhân thế mạng” (Salih). Hình nhân thế mạng được làm bằng bột gạo sống bao gồm: 04 hình người (2 đàn ông, 2 đàn bà) và hình trâu bò, heo, rắn... đặt trên một cái tra đan bằng tre. Lễ nặn “hình người” (Salih) do ông Mưduôn và ông Ka in thực hiện. Ông Ka in ngồi ở bàn tổ, tay cầm bột gạo sống vừa nặn hình người, động vật, miệng vừa khấn vái. Lúc này ông Mưduôn vừa vỗ trống Bsanưng, vừa hát về bài kinh lễ ca ngợi nữ thần Po Inư Nugar, Po Sah Inư “có công trong việc tạo ra trời đất, con người, vật nuôi cây trồng/ dạy con người biết cày cuốc, biết dệt biết thêu/ cho cây cối tốt tươi, con người sinh sôi nảy nở...” Sau khi nặn hình người, thú xong, thì họ lại tiếp tục múa hát, cúng các vị thần linh như ngày đầu.

Cuối cùng là lễ tiền đưa hình nhân (Salih). Hình nhân này chính là vật thay thế, hoán đổi cho dân làng, cho con người mang đi những xấu xa, xui xẻo, nắng nóng, khô hạn của năm cũ và năm mới dân làng sẽ đón nhận được mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Nghi thức tiền đưa “hình nhân thế mạng” này được diễn ra tại một ngã ba đường làng (có làng tiền xuống dòng sông). Khi “hình nhân thế mạng” được dân làng tiễn đến ngã ba đường làng (hoặc thả trôi sông) thì lễ Rija Nugar kết thúc.

Trong lễ Rija Nugar, ngoài lễ nghi chung có tính chất bắt buộc nêu trên thì một số làng Chăm còn thực hiện một số tiểu tiết khác nhau. Chẳng hạn ở làng Chăm Bình Nghĩa làm lễ Rija Nugar có thêm tục hát đối đáp (dauh sa) và múa Phồn thực (tamia klai kluk).

Điệu múa Chăm dâng lên thần Shiva cho thấy tính phồn thực rất rõ nét trong đời sống tâm linh và tín ngưỡng của cư dân Chăm. Hơn nữa, điệu múa còn thể hiện sự năng động, tính ước lệ và cách điệu. Đó không phải là sự e ấp, lưỡng thiện toát ra từ những tiêu chuẩn về hình thể, vóc dáng, không câu kì đến nỗi mất tính hồn nhiên. Trong múa Chăm thì múa ông Bóng (bà Bóng) trong lễ hội chính là múa thiêng và cũng diễn ra trong một không gian thiêng của lễ. Trên sân khấu, người ta treo một tấm trướng (*panin*) bằng vải bông có vẽ hình sinh hoạt lễ hội của người Chăm; một tấm vải trắng gọi là *lăm mulin* được căng lên như một tấm trần nhỏ che khu vực tế lễ; dựng đứng vào giữa tấm *panin* là một tấm vải dùng để bao một cán rìu ở giữa và hai đoạn tre dài chừng 1m ở hai bên. Theo lời các chức sắc Bàlamôn giáo, ba vật tượng trưng bó trong tấm vải và dựng đứng ở giữa tấm *panin* là tượng trưng cho ba vị thần lớn của người Chăm. Bên cạnh đó là một cây mía đỏ dài đứng dựa vào tấm trướng, khi múa đến điệu múa chèo dò ông Bóng sẽ dùng cây mía này làm đạo cụ. Có thể nói, với *panin*, *lăm mulin* và tấm vải bao hai đoạn tre và cán rìu tượng trưng cho ba vị thần tối thượng. Người Chăm đã đưa cả đất và cuộc sống của con người (qua tấm *panin*), cả trời (*lăm mulin* làm mái che nơi tế lễ), và cả các thần linh vào trong rạp lễ để biến không gian nhỏ

hẹp của rạp lễ thành một vũ trụ thu nhỏ, một không gian thiêng. Trong không gian linh thiêng đó, ông Bóng sẽ múa các điệu múa thiêng để giao cảm với thần linh và sẽ báo cho mọi người biết những điều mà thần linh muốn.

Múa là phương tiện chính của các thầy bóng trong mục đích tín ngưỡng. Người “múa bóng” vừa là thầy cúng vừa là nghệ sĩ, đây là một loại múa đa dạng, nhiều màu sắc. Sự đa dạng đó là do sự sáng tạo khác nhau của các “thầy bóng” không theo một quy luật nhất định. Sự hấp dẫn, thu hút mọi người là tùy thuộc vào tài năng sáng tạo biểu diễn của “thầy Bóng” (có thể là nam hay nữ). Một trong những sự phong phú đa dạng là đạo cụ sử dụng như kiếm, roi, mái chèo, quả nhạc, quạt, v.v... Đường kiếm mãnh liệt khi “hồn đã nhập”, “men đã say” (lên đồng), khi vung lên cao, khi chém xuống đất, khi chặn, khi gạt ... có thể biến dạng, biến sắc, rất thu hút. Động tác chủ đạo của điệu múa với roi thường là nhảy trên một chân trụ, một chân co, cứ như vậy, hai chân đổi nhau. Động tác chân có thể tiến lên, lùi xuống, sang phải, sang trái hoặc nhảy xoay tròn tại chỗ và trên tuyến tròn; cũng có khi nhảy đứng, có khi nhảy ngồi trên một chân trụ. Động tác tay - tay cầm roi có thể vung lên, quạt xuống, sang các hướng hoặc quay tròn trên đầu; tay khác nhấn, hất, bật mạnh cổ tay và buông xuống, chéo sang bên hoặc chéch lên trước.

Trong múa Chăm, có hai điệu múa rất đặc biệt là múa đập lửa và múa chèo dò, bao giờ điệu múa đập lửa cũng được múa trước sau đó mới đến múa chèo dò. Hai vũ điệu với hai hình tượng tương phản nhau là lửa và nước với hai ước nguyện cũng đối lập nhau là *dập tắt* và *cầu mong*.

Ngoài ra, sự kết hợp âm dương còn thể hiện qua điệu múa âm dương, dạng múa phần thực của người Chăm. Dạng múa này, hiện chỉ còn được lưu giữ tại làng Bình Nghĩa - Ninh Thuận. Đây có thể nói là lễ cộng đồng của các làng Chăm có liên quan đến nông nghiệp vì đa số người Chăm (80%) sống bằng nghề nông, cho nên việc mở cửa tháp (poh băng yang), tiến hành vào ngày thứ ba tuần đầu tiên của tháng Giêng, theo lịch Chăm là tháng Tư âm lịch. Trong lễ này, ban tế lễ sẽ lo tổ chức cúng tế gồm 5 con dê, 5 mâm cơm, một chai rượu, một khay trầu cau, cùng với một đoạn trầm hương, đường kính 5cm, dài 25cm tượng trưng cho dương vật đưa vào tháp. Sau khi tiến hành khấn vái, cầu xin thần linh, mọi người mới tiến vào dâng thờ. Ông Praya mu và Ông Kathar cùng kéo đàn kanhi và hát một bài cúng ca ngợi Pô Inư Nugar trong lúc Muh pajiaù (bà Bóng) với đoạn gỗ trầm hương tượng trưng cho linh vật, tung lên, xuống và đôi khi chắm xuống đất tượng trưng cho việc giao thoa giữa trời và đất mang tính phần thực, sự cốt lõi của việc múa phần thực, việc tiếp xúc giữa âm và dương mang tính chất ma thuật.

Tín ngưỡng Phần thực còn được biểu hiện trên nhiều bình diện của văn hóa Chăm. Màu sắc của y phục thường cấu tạo thành hai phần, phần trên theo gam màu nóng (xanh, đỏ, vàng), còn phần dưới

là gam màu lạnh (màu trắng...). Về y phục của các chức sắc tu sĩ trong lễ hội chỉ có hai màu: áo màu trắng tượng trưng cho Mặt Trăng và quần khăn màu đỏ là tượng trưng cho Mặt Trời. Tu sĩ Chăm Balamôn giáo tượng trưng cho nam nhưng lại mặc áo dài trắng, búi tóc, đeo túi hình âm vật biểu trưng cho nữ; ngược lại tu sĩ Chăm Bani bản thân tượng trưng cho nữ nhưng đầu không để tóc, trước cổ có đeo túi hình dương vật biểu trưng cho nam. Điều này biểu hiện yếu tố lưỡng nghi trong trang phục, trong âm có dương, trong dương có âm, hội nhập chuyển hóa lẫn nhau.

Nhìn chung, trên ý nghĩa rộng lớn hơn, người Chăm, qua lễ Rija Nugar, còn thể hiện mối quan hệ với những vị anh hùng văn hóa, anh hùng dân tộc mà họ suy tôn thành thần linh. Toàn bộ lễ Rija Nugar liên quan đến đời sống tín ngưỡng dân gian như đã trình bày là tín ngưỡng nguyên thủy, tục thờ cúng tổ tiên, các vị anh hùng dân tộc và đậm nét nhất tín ngưỡng liên quan đến nghề nông. Lễ Rija Nugar còn chứa đựng nhiều vấn đề cốt lõi lịch sử, văn hóa nghệ thuật như truyền thuyết, sự tích, thơ ca, tục cúng tế, các loại hình ca múa nhạc dân gian Chăm. Tất cả những yếu tố trên đã liên kết, phụ thuộc vào nhau, tạo nên ở lễ Rija Nugar một diện mạo của lễ hội Chăm đa dạng và độc đáo./.